

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 14-5-2020.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**;

Ông **Võ Minh Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Ly Ly** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà **Nguyễn Thị
Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02
tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 101/2019/HNGĐ ngày 16
tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam bị
kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2020/QĐPT-
HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 10, Khối phố 7, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Đoàn Ngọc T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 2, thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Trần Minh Đ** - Phó Giám
đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông **Đoàn Ngọc T**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà và ông Đoàn Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp, ông T thường xuyên ghen tuông, đánh đập, xúc phạm bà. Nay, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Ngọc Gia B, sinh ngày 12/02/2014. Nay ly hôn, bà có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T thống nhất thỏa thuận giao cho ông T tiếp tục thực hiện hợp đồng vay với Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T tại khế ước vay số 6600000703697135, số tiền vay 30.000.000 đồng, lãi suất 0,72%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/10/2019; khế ước vay số 6600000715631510, số tiền vay 12.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/6/2024. Tiền lãi của 02 khế ước vay tính đến ngày 21/7/2019 là 0 đồng. Các tài sản khác vợ chồng tự giải quyết.

Tại các văn bản có tại hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Đoàn Ngọc T trình bày: Ông đồng ý với bà V về thời gian, điều kiện kết hôn như bà V trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, khi vợ chồng giận nhau thì bà V thường bỏ nhà đi. Nay bà V xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Ngọc Gia B, sinh ngày 12/02/2014. Nay ly hôn, ông có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà V thống nhất thỏa thuận giao cho ông tiếp tục thực hiện hợp đồng vay với Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T tại khế ước vay số 6600000703697135, số tiền vay 30.000.000 đồng, lãi suất 0,72%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/10/2019; khế ước vay số 6600000715631510, số tiền vay 12.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/6/2024. Tiền lãi của 02 khế ước vay tính đến ngày 21/7/2019 là 0 đồng. Các tài sản khác ông thống nhất để vợ chồng tự giải quyết.

Tại các văn bản có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C trình bày: Ngày 21/4/2015, ông T và bà V có vay của Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,72%/tháng, tại khế ước vay số 6600000703697135, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/10/2019. Ngày 21/6/2019, ông T và bà V tiếp tục vay số tiền 12.000.000 đồng tại khế ước vay số 6600000715631510, lãi suất 0,75%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/6/2024. Nay bà V và ông T ly hôn, đề nghị Tòa án xử buộc ông T, bà V hoàn trả cho Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T số tiền 42.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 21/7/2019 là 0 đồng, số lãi phát sinh sau ngày 21/7/2019 là 0,72%/tháng đối với khế ước vay số 6600000703697135, lãi suất 0,75%/tháng đối với khế ước vay số 6600000715631510.

Với nội dung như trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 101/2019/HNGĐ ngày 16/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình đã áp dụng các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Đoàn Ngọc T.

2. Về con chung: Xử giao cho bà Nguyễn Thị V nuôi con chung tên là Đoàn Ngọc Gia B, sinh ngày 12/02/2014 đến 18 tuổi trưởng thành. Bà Nguyễn Thị V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Sau khi ly hôn, người không có quyền trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án điều chỉnh.

4. Về nợ chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của ông Đoàn Ngọc T và bà Nguyễn Thị V, giao cho ông Đoàn Ngọc T tiếp tục thực hiện hợp đồng vay với Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện T tại khế ước vay số 6600000703697135, số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 0,72%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/10/2019; khế ước vay số 6600000715631510, số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/6/2024. Tiền lãi của 02 khế ước vay là 0 đồng tính đến ngày 21/7/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2019 bị đơn ông Đoàn Ngọc T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc tranh chấp nuôi con và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại một phần bản án sơ thẩm, giao con cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Ngọc T thì thấy:

[2.1] Ông T và bà V có 01 con chung là Đoàn Ngọc Gia B, sinh ngày 12/02/2014. Ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giao cháu B cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, việc nuôi con là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ nên nguyện vọng nuôi con của ông T, bà V là chính đáng, cần được xem xét. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay, ông T, bà V đều có đủ điều kiện để nuôi con, nhưng xét thấy cháu B còn nhỏ, rất cần sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của mẹ để cháu phát triển về mọi mặt. Ông T cho rằng bà V có nhân phẩm không tốt nên không đủ tư cách và điều kiện về tinh thần để nuôi dưỡng, giáo dục con; nhưng ông không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm xử giao cháu Đoàn Ngọc Gia B, sinh ngày 12/02/2014 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Đoàn Ngọc T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Ngọc T, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 101/2019/HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Đoàn Ngọc Gia B, sinh ngày 12/02/2014 đến khi thành niên. Bà Nguyễn Thị V không yêu cầu ông Đoàn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Ngọc T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0021228 ngày 26/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (14/5/2020).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo